ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2019/QĐ-UBND	*Vĩnh Long , ngày 15 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 110/TTr-SNN&PTNT ngày 05/7/2019 về việc ban hành Quyết định quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa tỉnh Vĩnh Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động khai thác thủy sản thuộc địa bàn tỉnh.

Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 6 mét do Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê phục vụ công tác quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá và các tổ chức, cá nhân là chủ tàu cá hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quy định đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

Cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá chỉ được hoạt động khi có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.

1. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá:

Thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 52 và Điều 53 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ;

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá:

Thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

3. Chế độ báo cáo: Định kỳ, đột xuất báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản về tình hình đóng mới, cải hoán tàu cá theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quy định đối với chủ tàu cá

1. Khi thực hiện đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá phải có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (thực hiện theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ).

2. Tàu cá chỉ được hoạt động khi hoàn thành việc thực hiện đăng ký, có giấy phép khai thác thủy sản và có sổ danh bạ thuyền viên tàu cá; riêng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên phải thực hiện đăng kiểm.

Trình tự, thủ tục đăng ký, đăng kiểm, cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép khai thác thủy sản được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

3. Tàu cá phải được đánh dấu và đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 13, Điều 25 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thực hiện quản lý, đăng ký, hướng dẫn đăng kiểm, cấp phép khai thác thủy sản, sổ danh bạ thuyền viên tàu cá, chấp thuận việc đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên địa bàn tỉnh và định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Các nội dung không được quy định trong Quyết định này thì áp dụng theo Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/8/2019./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6 (để thực hiện);
- Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN- tỉnh VL;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, 4.04.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Trung